

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Kế hoạch phát triển chăn nuôi bò sữa năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Theo Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án phát triển chăn nuôi bò sữa tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016- 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 14/TTr-SNN ngày 21 tháng 01 năm 2020, đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 246/TTr-SKHĐT ngày 24 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển chăn nuôi bò sữa năm 2020, với những nội dung chính sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 toàn tỉnh có khoảng 4.200 bò và bê sữa, trong đó đàn bò của các hộ dân là 4.000 con, đàn bò tại các Công ty là 200 con.

- Phát triển chăn nuôi bò sữa bền vững, quy mô trang trại theo phương thức hộ gia đình, nhóm hộ ứng dụng khoa học công nghệ tại các khu chăn nuôi bò sữa tập trung đã được quy hoạch, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và nâng cao thu nhập của người nông dân.

- Xây dựng các hình thức liên kết theo chuỗi, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hợp tác cung ứng thức ăn, tiêu thụ sản phẩm sữa, chế biến sữa.

- Thu hút các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp đầu tư chăn nuôi bò sữa công nghiệp kết hợp chế biến sữa trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Thu hút các hộ nuôi mới đầu tư trang trại tại 222 vị trí còn trống tại các khu quy hoạch đã được phê duyệt; khuyến khích 113 hộ đang chăn nuôi trong khu quy hoạch tăng qui mô đàn bò đang nuôi lên trên 30 con/trại; tiếp tục khảo sát, mở rộng thêm các vị trí mới để quy hoạch phát triển bò sữa, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư chăn nuôi nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch phát triển đàn bò sữa theo đề án.

- Phát triển chăn nuôi bò sữa theo hướng bền vững, kiểm soát an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường, hỗ trợ nhân nhanh giống đàn bò sữa hiện có, đồng thời sản xuất thực phẩm sữa sạch, chất lượng.

- Đẩy mạnh các hình thức liên kết, hợp tác trong chăn nuôi bò sữa, cung ứng thức ăn, tiêu thụ sản phẩm sữa và chế biến sữa.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Kế hoạch phát triển đàn bò sữa năm 2020: Kế hoạch phát triển bò sữa năm 2020, toàn tỉnh có 4.200 bò và bê sữa, trong đó: của dân là 4.000 con, cụ thể: thị xã Duy Tiên 2.950 con, Lý Nhân 550 con, Kim Bảng 490 con, Thanh Liêm 10 con; đàn bò tại các doanh nghiệp là 200 con.

- Dự kiến số bê cái sinh ra: 809 con (của dân 773 con; của doanh nghiệp 36 con).

- Số bò mua mới ngoài tỉnh: 50 con

- Số bò loại thải dự kiến khoảng: 193 con.

(Chi tiết theo phụ lục 1).

2. Khu chăn nuôi bò sữa tập trung:

Các địa phương lập kế hoạch chi tiết, thời gian hoàn thiện cơ sở hạ tầng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thu hút nông dân đầu tư xây dựng trang trại nuôi bò sữa tại 222 vị trí còn trống và mở rộng tăng quy mô đàn trong các khu quy hoạch.

3. Quy hoạch vùng nguyên liệu trồng cây thức ăn cho bò:

Rà soát bổ sung, điều chỉnh quy hoạch vùng nguyên liệu ở các huyện, xã để đảm bảo đáp ứng đủ diện tích trồng cây thức ăn cho bò sữa. Yêu cầu tối thiểu phải đảm bảo 700 m² đất trồng cỏ/01con bò; Dự kiến tổng diện tích đất để trồng cây thức ăn khoảng 294 ha, cụ thể: của dân 280 ha (Duy Tiên 207 ha, Lý Nhân 39 ha, Kim Bảng 34 ha); các doanh nghiệp 14 ha;

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp hoàn thiện hạ tầng khu chăn nuôi bò sữa:

- Tiếp tục hoàn thiện đường giao thông, nước sạch cho 04 khu quy hoạch: Khu 2, 3 xã Mộc Bắc, thị xã Duy Tiên; khu quy hoạch xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân; khu quy hoạch xã Khả Phong, huyện Kim Bảng;

- Các địa phương tăng cường vận động, khuyến khích các hộ dân tham gia chăn nuôi trong khu quy hoạch và thực hiện nghiêm theo quy định của Đề án.

2. Giải pháp vùng nguyên liệu thức ăn cho bò sữa:

Quy hoạch và chuyển đổi thêm khoảng 37 ha đất trồng cây thức ăn để đảm bảo đúng theo tiến độ phát triển đàn bò, cụ thể: thị xã Duy Tiên 26 ha, huyện Lý Nhân 6 ha, huyện Kim Bảng 5 ha.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ:

3.1. Quản lý, nhân giống bò sữa: Hỗ trợ đeo thẻ tai bổ sung cho số bò sữa mua mới và những con bò bị mất số tai để quản lý, theo dõi giám sát tình hình phát triển đàn bò sữa toàn tỉnh; Hỗ trợ tinh bò sữa cao sản và vật tư bảo quản kèm theo cho hộ nông dân thông qua đội ngũ dẫn tinh viên cơ sở để phục vụ phối giống bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo cho đàn bò sữa trong tỉnh đạt kết quả cao; tổ chức mua sắm theo quy định và bảo quản, cấp phát, theo dõi quản lý phối giống bò sữa.

3.2. Về phòng chống dịch bệnh: Hỗ trợ tiêm phòng bệnh Lở mồm long móng 02 lần/năm tiêm cho 100% số bò và bê trong diện phải tiêm theo kế hoạch phòng chống dịch bệnh hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (*Vụ Xuân vào tháng 3-4, vụ Thu vào tháng 9-10*).

3.3. Về đào tạo tập huấn: Tổ chức 02 lớp đào tạo (*3 ngày/lớp*) nâng cao về phối giống và điều trị bệnh cho bò sữa; 04 lớp tập huấn (*3 ngày/lớp*) cho nông dân tại các cụm xã về quy trình kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng bò sữa để bổ sung cập nhật kiến thức; (*Duy Tiên 02 lớp, Lý Nhân và Thanh Liêm 01 lớp, Kim Bảng 01 lớp*).

4. Giải pháp tiêu thụ sản phẩm: Phối hợp với các nhà máy chế biến sữa hợp đồng thu mua 100% sữa tươi đạt tiêu chuẩn; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chế biến đầu tư xây dựng thêm các điểm thu mua sữa tại các khu quy hoạch chăn nuôi bò sữa; Đa dạng hóa các hình thức chế biến, tiêu thụ sữa phục vụ cho du lịch và đời sống; hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân xây dựng các mô hình chế biến sữa quy mô vừa và nhỏ.

5. Giải pháp xử lý môi trường: Hướng dẫn hộ chăn nuôi xây dựng hệ thống xử lý chất thải theo đúng mẫu thiết kế, phù hợp với quy mô chăn nuôi bò sữa để đảm bảo vệ sinh môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức nghiệm thu trình các cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Giải pháp, cơ chế chính sách: (*Thực hiện theo Quyết định 1600/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

6.1. Giải pháp hỗ trợ dồn đổi đất trồng cỏ, mua máy thái cỏ, môi trường:

- Khuyến khích các hộ, nhóm hộ chăn nuôi thuê quyền sử dụng đất của các hộ được giao đất nông nghiệp, thời gian thuê do 2 bên thỏa thuận; hoặc dồn đổi đất nông nghiệp của mình (*hộ, nhóm hộ chăn nuôi*) được giao với hộ khác hoặc ở khu vực quy hoạch; tỉnh hỗ trợ kinh phí dồn đổi ruộng đất là 01 triệu đồng/ha; hỗ trợ một lần đời sống hộ nông dân chuyển đổi trồng lúa sang trồng cỏ là 150.000 đồng/sào, dự kiến dồn đổi chuyển đổi khoảng 37 ha;

- Hỗ trợ một lần 20% kinh phí mua mới 30 máy thái cỏ hoặc máy vắt sữa đối với hộ nuôi từ 10 con trở lên trong khu quy hoạch; mức hỗ trợ tối đa không quá 3 triệu đồng/máy thái cỏ hoặc máy vắt sữa;

- Hỗ trợ một lần 50% kinh phí xây dựng mới 30 hệ thống xử lý chất thải có bể lắng, tối đa không quá 10 triệu đồng/hộ, cho hộ nuôi đủ từ 10 con trở lên trong khu quy hoạch; yêu cầu dung tích bể lắng đảm bảo tối thiểu 01m³/con bò;

- Hình thức hỗ trợ sau đầu tư: Ủy ban nhân dân các xã tổ chức nghiệm thu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện và các Sở, ngành liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6.2. Giải pháp về giống, vốn mua bò sữa: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho các hộ chăn nuôi vay 70% tổng số tiền mua 50 con bò sữa giống; dự kiến tỉnh hỗ trợ 15 tháng đầu tiền lãi vay Ngân hàng cho các hộ nông dân mua khoảng 50 con bò sữa giống có đủ thủ tục hỗ trợ theo quy định (*tối đa 05 triệu đồng/con*); Hình thức hỗ trợ sau đầu tư.

6.3. Giải pháp quản lý, nhân giống và phòng chống dịch bệnh bò sữa:

- Hỗ trợ kinh phí đeo thẻ tai bổ sung cho 2.000 con bò, bê sữa để quản lý đàn bò; Hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi 10.200 liều tinh bò sữa Holstein Friesian (HF), Ni tơ lỏng và các vật tư kèm theo để phối giống cho 3.400 con bò sữa có chứa bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo thông qua dẫn tinh viên cơ sở (*định mức 3,0 liều tinh/01 bò sữa có chứa*); Hỗ trợ kinh phí tiêu độc khử trùng cho các hộ chăn nuôi để phòng chống dịch bệnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện mua sắm tinh bò sữa cao sản, ni tơ và vật tư kèm theo; bảo quản, cấp phát và giám sát kết quả phối giống; mua thẻ tai bò và sổ theo dõi lý lịch bò; báo cáo kết quả, thực hiện quản lý theo dõi đàn bò sữa.

6.4. Đào tạo tập huấn, hội nghị tổng kết Đề án: Hỗ trợ đào tạo tập huấn cập nhật, bổ sung kiến thức về chăn nuôi bò sữa cho khoảng 200 lượt người nông dân tham gia; Tập huấn nâng cao chuyên sâu về điều trị bệnh, thụ tinh nhân tạo bò sữa cho các đồng chí thú y cơ sở; tổ chức tổng kết Đề án phát triển chăn nuôi bò sữa tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2020; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã để triển khai, thực hiện.

6.5. Giải pháp phát triển đàn bò sữa tại các doanh nghiệp: Doanh nghiệp có dự án đầu tư chăn nuôi bò sữa được chấp thuận đầu tư của tỉnh, đáp ứng đủ các điều kiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ được hưởng đầy đủ các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN: 6.503,28 triệu đồng (*Sáu tỷ năm trăm linh ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*), trong đó:

1. Vốn đầu tư của dân: 4.430,0 triệu đồng.
2. Kinh phí nhà nước hỗ trợ: 2.073,28 triệu đồng, trong đó:
 - Hỗ trợ cho dân, địa phương: 826,85 triệu đồng, gồm:
 - + Dồn, chuyển đổi đất, máy thái cỏ, môi trường: 576,85 triệu đồng.
 - + Hỗ trợ lãi suất mua bò giống: 250,0 triệu đồng.
 - Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện: 1.246,43 triệu đồng, gồm:
 - + Hỗ trợ thẻ tai, tinh bò, phòng dịch 1.032,48 triệu đồng.
 - + Đào tạo tập huấn, sơ kết: 213,95 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 2)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở, ngành có liên quan:

- Đôn đốc các địa phương tổ chức thực hiện đề án, nghiệm thu, thẩm định và đề nghị hỗ trợ cho người chăn nuôi; thường xuyên giám sát tình hình phát triển và phòng, chống dịch bệnh trên đàn bò sữa; kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật chuồng trại, chăm sóc, nuôi dưỡng bò sữa cho nông dân, quản lý hệ thống thụ tinh nhân tạo; triển khai tổng kết Đề án và báo cáo đúng tiến độ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp Sở Tài chính cân đối, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn hàng năm, đảm bảo thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí để thực hiện Kế hoạch. Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định nghiệm thu, thanh toán hỗ trợ nguồn kinh phí theo quy định hiện hành.

4. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, huyện kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, tham gia thiết kế và nghiệm thu các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng; khảo sát diện tích đất trên địa bàn tỉnh để bổ sung quy hoạch phát triển chăn nuôi bò sữa đảm bảo theo mục tiêu của Kế hoạch.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, nghiệm thu và đề nghị hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý chất thải cho các hộ chăn nuôi tại khu quy hoạch; Bố trí kinh phí hỗ trợ hệ thống xử lý môi trường trong nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ hàng năm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các địa phương thủ tục hợp đồng thuê đất, giao đất, đôn đổi diện tích đất trồng lúa, màu sang chuyên canh trồng cỏ, trồng ngô cung cấp thức ăn cho bò sữa; Phối hợp với Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, nghiệm thu và đề nghị hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý chất thải cho các hộ chăn nuôi tại khu quy hoạch; kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường tại các khu chăn nuôi bò sữa tập trung.

7. Sở Thông tin và Truyền thông: Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến người dân, doanh nghiệp các cơ chế, chính sách của tỉnh, pháp luật của Nhà nước về chăn nuôi và bảo vệ môi trường nhằm khuyến khích người dân phát triển.

8. Sở Công thương: Tăng công tác cường xúc tiến thương mại, thông tin về thị trường tiêu thụ sữa trong nước và xuất khẩu; triển khai các chính sách khuyến khích, hỗ trợ theo hướng tăng cường mối liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp và người chăn nuôi bò sữa nhằm làm tăng giá trị sữa thông qua chế biến.

9. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Hà Nam: Tạo điều kiện cho các hộ mua bò vay vốn bằng 70% số tiền mua bò sữa với lãi suất ưu đãi; thời hạn cho vay theo khả năng hoàn vốn của dự án, thủ tục đơn giản, nhanh chóng.

10. Hội Nông dân, Hội Phụ nữ tỉnh: Tuyên truyền, vận động các hội viên của hội tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch.

11. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Chủ động chỉ đạo hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu quy hoạch chăn nuôi bò sữa; xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các xã triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển chăn nuôi bò sữa tỉnh Hà Nam năm 2020.

- Cho thuê đất, giao đất tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển đàn bò sữa của tỉnh.

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý chăn nuôi bò sữa trên địa bàn.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thẩm định và đề nghị hỗ trợ cho người chăn nuôi; thường xuyên giám sát tình hình phát triển và phòng, chống dịch bệnh trên đàn bò sữa.

12. Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Chủ động quy hoạch đất trồng cỏ, chuyển đổi đất lúa, đất trồng màu hiệu quả thấp sang trồng cỏ cung cấp cho bò sữa.

- Tổ chức phổ biến, công khai quy hoạch chăn nuôi đã được phê duyệt, đồng thời chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch, kế hoạch phát triển chăn nuôi bò sữa trên địa bàn, nhằm đảm bảo phát triển ổn định, kiểm soát dịch bệnh và bảo vệ môi trường; tổ chức và giám sát các hoạt động của đội ngũ kỹ thuật viên cơ sở có hiệu quả.

13. Hộ nông dân tham gia: Tự nguyện, chịu trách nhiệm, trực tiếp lựa chọn và quyết định mua bò sữa, chăm sóc nuôi dưỡng bò theo quy trình sản xuất sữa sạch; lập dự án vay vốn mua bò, thuê đất để xây dựng chuồng trại và trồng cây thức ăn cho đàn bò.

14. Doanh nghiệp tham gia: Thực hiện việc xin cấp phép đầu tư dự án theo trình tự thủ tục quy định, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, vay vốn, thuê đất; đảm bảo vệ sinh môi trường, chấp hành nghiêm các quy định quản lý về chăn nuôi bò sữa của tỉnh và pháp luật của nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Hà Nam; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã quy hoạch chăn nuôi bò sữa và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*đ*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu VT, NN.

C-NN/2020

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Minh Hiến

Phụ lục 1. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI BÒ SỮA NĂM 2020

TT	Cấp huyện/xã	Năm 2019 (con)	Kế hoạch năm 2020 (con)						
			KH năm 2020	Bê cái sinh ra	Số bò mua mới	Số bò loại thải	Số hộ nuôi mới	Số hộ tăng quy mô	Số bò được TTNT
I	TX Duy Tiên	2.590	2.950	577	30	128	3	45	2.398
1	Mộc Bắc	1.782	2.100	400	20	80	2	30	1.700
2	Chuyên Ngoại	440	470	102	10	26	1	10	386
3	Trác Văn	300	315	60	0	18	0	3	260
4	Yên Nam	68	65	16	0	4	0	2	52
II	H. Lý Nhân	474	550	99	10	29	1	10	445
1	Nguyễn Lý	174	195	41	0	20	0	5	160
2	Nhân Đạo	30	35	7	0	2	0	0	28
3	Nhân Bình	119	135	29	0	7	0	2	108
4	Chính Lý	67	79	10	0	4	0	1	64
5	Xuân Khê	69	90	10	10	4	1	2	72
6	Vĩnh Trụ	10	10	2	0	1	0	0	8
7	Nhân Mỹ	5	6	1	0	0	0	0	5
III	H. Kim Bảng	427	490	96	10	26	1	15	392
1	Ba Sao	173	195	40	0	10	0	0	156
2	Khả Phong	229	265	50	10	14	1	15	212
3	Tân Sơn	24	28	6	0	1	0	0	23
4	Liên Sơn	1	1	0	0	0	0	0	1
IV	H. Thanh Liêm	4	10	1	0	0	0	0	5
1	Liêm Túc	4	10	1	0	0	0	0	5
Tổng đàn của dân		3.495	4.000	773	50	183	5	70	3.240
V	Các doanh nghiệp	185	200	36	0	11	0	8	160
Tổng cộng: I - V		3.680	4.200	809	50	193	5	78	3.400

Phụ lục 2. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BÒ SỮA NĂM 2020

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đơn vị thực hiện		Vốn của dân	Tổng kinh phí
		Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương hỗ trợ cho dân		
	Tổng	1.246.430.000	826.850.000	4.430.000.000	6.503.280.000
1	Hỗ trợ lãi vay mua bò mới ngoài tỉnh: (50 con x 5.000.000 đ/con)		250.000.000	2.750.000.000	3.000.000.000
2	Hỗ trợ dồn đổi ruộng đất: (37 ha x 1 triệu/ha)		37.000.000		37.000.000
3	Hỗ trợ chuyển đổi trồng lúa sang trồng cỏ: (37 ha x 150.000 đ/sào)		149.850.000		149.850.000
4	Hỗ trợ mua máy thái cỏ hoặc máy vắt sữa (30 máy x 3.000.000 đ/máy)		90.000.000	360.000.000	450.000.000
5	Hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý chất thải: (30 ht x 10.000.000 đ/ht)		300.000.000	300.000.000	600.000.000
6	Kinh phí hỗ trợ phối giống bò sữa (3.400 con)	906.480.000		1.020.000.000	1.926.480.000
	Tinh bò sữa cao sản HF (3.0 Liều/ con x 3.400 con): 10.200 liều x 35.000đ	357.000.000			
	Ni tơ lỏng (1.2 lít/liều x 10.200 liều): 12.240 lít x 28.000đ/liều	342.720.000			
	Găng tay TTNT (1cái/1 liều tinh): 10.200 cái x 4.400đ	44.880.000			
	Dẫn tinh quản (ống gen)(1cái/1 liều tinh): 10.200 cái x 4.400đ	44.880.000			
	Vận chuyển tinh bò: 30 chuyến x 500.000đ	15.000.000			
	Kinh phí bảo quản, phân phối tinh bò: 10.200 liều x 10.000đ	102.000.000			
7	Kinh phí đeo thẻ tai cho bò, bê sữa: (2.000 con)	76.000.000			76.000.000
	Thẻ tai: 2.000 chiếc x 28.000đ	56.000.000			
	Công giữ bò để gắn thẻ tai: 2.000 con x 10.000đ	20.000.000			
8	Tập huấn cho nông dân tại các cụm xã: 50 người/lớp x 3 ngày x 4 lớp	70.600.000			70.600.000
	Tiền nước uống: 50 người/lớp x 3 ngày/lớp x 4 lớp x 15.000đ/người	9.000.000			
	Tiền ăn cho người dân: 50 người/lớp x 3 ngày/lớp x 4 lớp x 20.000đ	12.000.000			
	Tiền tài liệu, bút: 50 người/lớp x 4 lớp x 20.000đ	4.000.000			
	Hội trường, khánh tiết: 4 lớp x 3 ngày x 300.000đ	3.600.000			

	Thuê giảng viên: 12 ngày x 200.000đ/ngày	2.400.000		
	Thuê bò thực tập: 6con/lớp x 4 lớp x 1.600.000đ	38.400.000		
	Phục vụ: 12 ngày x 100.000đ	1.200.000		
9	Tập huấn nâng cao thú y tại tỉnh (02 lớp/năm x 25 người/lớp)	126.850.000		126.850.000
	Tiền nước uống cho đại biểu: (25 ng x 3 ngày x 15.000 đ x 2 lớp)	2.250.000		
	Tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương: (25 ng x 3 ngày x 70.000 đ x 2 lớp)	10.500.000		
	Tiền tài liệu, bút cho đại biểu: (25 ng x 20.000 đ x 2 lớp)	1.000.000		
	Tiền hội trường, khánh tiết: (2lớp x 1.000.000 đ)	2.000.000		
	Tiền thuê giảng viên chính: (2 lớp x 3 ngày x 600.000 đ)	3.600.000		
	Giảng viên hỗ trợ thực hành: (2 lớp x 3 ngày x 300.000 đ)	1.800.000		
	Thuê xe đưa đón giảng viên: (2lớp x 2 lượt x 1.500.000 đ)	6.000.000		
	Khung xương chậu, tử cung, buồng trứng bò: (10 bộ/1 lớp x 1.000.000 x 2 lớp)	20.000.000		
	Thuê bò thực tập: (07 con x 2 ngày x 1.600.000 đ/ngày x 2 lớp)	44.800.000		
	Thuê khung giống cố định bò: (7 bộ x 2lớp x 2 ngày x 500.000 đ)	14.000.000		
	Công phục vụ: (2 lớp x 3 ngày x 100.000 đ)	600.000		
	Tiền nghỉ cho học viên: (25 ng x 3 ngày x 70.000 đ x 2 lớp)	10.500.000		
	Tiền ăn, nghỉ cho giảng viên: (2 lớp x 3 ngày x 300.000 đ)	1.800.000		
	Thuê xe cho học viên thực tập, chi khác:	8.000.000		
10	Phòng và giám sát dịch bệnh trên bò sữa	50.000.000		50.000.000
11	Hội nghị tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án	16.500.000		16.500.000
	Nước uống hội nghị: 150 đại biểu x 20.000đ/người	3.000.000		
	Thuê hội trường	2.000.000		
	Tiền ăn đại biểu không hưởng lương: 100 người x 100.000đ	10.000.000		
	Tài liệu: 150 bộ x 10.000đ/bộ	1.500.000		